TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 129/2021/HNGĐ-PT
Ngày: 25-11-2021.
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HN

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông HCN.

Các Thẩm phán: Ông PQT và bà NTTH.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà NHN.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố HN tham gia phiên tòa:
Bà LTHH- Kiểm sát viên.

Ngày 25-11-2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố HN;

Mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 90/2021/TLPT-HNGĐ ngày 08-7-2021 về "Tranh chấp ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 436/2021/HNGĐ-ST ngày 27-5-2021 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, Thành phố HN có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 195/2021/QĐXX-PT ngày 09-11-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn không kháng cáo:* Chị PTT, sinh năm 1989; Địa chỉ nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn TY, xã CV, huyện CT, tỉnh TH.

Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn có kháng cáo:* Anh NAT, sinh năm 1972; Địa chỉ nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Số 51, ngõ TP, phường QTG, quận ĐĐ, Thành phố HN. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung:

Chị PTT và anh NAT kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường QTG, quận ĐĐ, thành phố HN ngày 15-7-2016. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 51 ngõ TP, phường QTG, quận ĐĐ, Thành phố HN.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống bất đồng dẫn tới việc vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2017. Tháng 4-2017, anh NAT bị Tòa án kết án tù có thời hạn về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và chấp hành án tại trại giam TP, tỉnh TH, đến tháng 02-2021 thì

chấp hành xong án phạt tù. Thời gian anh T chấp hành án, thì chị T đưa con về quê ở với bố mẹ đẻ tại tỉnh TH.

Do xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên chị PTT đã làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh NAT.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu NPMA, sinh ngày 27-01-2017. Khi ly hôn, chị PTT xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại các bản tự khai, biên bản Hòa giải, đơn kháng cáo và tại phiên tòa, bị đơn là anh NAT trình bày:***

Anh NAT xác nhận: Về quan hệ hôn nhân; con chung; Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản như trình bày của chị PTT là đúng.

Theo anh T, quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn mà chỉ có vấn đề do chị T. Khi anh T đi chấp hành án phạt tù thì chị T không hề thăm nom, tiếp tế cho anh và đã mang theo con chung về sống tại nhà bố mẹ đẻ ở tỉnh TH. Anh T cũng xác định vợ chồng không còn tình cảm, nhưng mâu thuẫn không như chị T trình bày nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu NPMA, sinh ngày 27-01-2017. Từ khi sinh con, anh T đi chấp hành án nên chưa được gặp mặt con. Vợ chồng ly hôn, anh T đồng ý để chị T nuôi con nhưng yêu cầu chị T cho anh được gặp mặt con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh NAT xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nghĩa vụ chung về tài sản nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 436/2021/HNGĐ-ST ngày 27-5-2021 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị PTT. Cho chị PTT được ly hôn với anh NAT.

2. Về con chung: Xác nhận chị T, anh T có 01 con chung là cháu NPMA, sinh ngày 27-01-2017. Ly hôn, giao cháu NPMA, sinh ngày 27-01-2017 cho chị PTT trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh NAT cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh NAT có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giành quyền khởi kiện cho anh T giải quyết bằng một vụ án khác khi anh T có yêu cầu.

4. Về nợ: Chị T, anh T không có khoản vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án

giải quyết nên không xem xét.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm. Ngày 10-6-2021, bị đơn là anh NAT đã nộp đơn kháng cáo với nội dung: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm vì cho rằng vợ chồng chưa mâu thuẫn trầm trọng đến mức phải ly hôn. Về con chung, anh T chưa bao giờ được gặp con chung, đề nghị chị T cho anh gặp con. Về tài sản chung, công nợ chung vợ chồng không có nhưng chị T có giữ một số dữ liệu cá nhân của anh trên máy tính, anh T đề nghị chị T trả lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Chị PTT có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do con nhỏ, công việc bận, dịch bệnh covid-19 diễn biến phức tạp và có quan điểm: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh NAT, bởi: Mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn. Hiện chị làm ở công ty gần nhà, thu nhập đủ để trang trải cuộc sống hàng ngày của hai mẹ con. Cháu NPMA sinh ngày 27-01-2017, từ khi sinh ra đến nay cháu ở với chị T; cháu có sức khỏe tốt, môi trường sống và học tập tốt đảm bảo sự phát triển bình thường. Chị T xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh NAT giữ nguyên nội dung kháng cáo. Anh T xác định vợ chồng anh không thể đoàn tụ, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn dẫn tới việc ly hôn như chị T trình bày là không đúng. Về con chung: Anh T đề nghị xin được gặp con chung nếu chị T được Tòa án giao nuôi con; nếu có thể được thì anh T đề nghị được xin nuôi con để cháu sống ở thủ đô HN sẽ có điều kiện phát triển tốt hơn. Về tài sản chung, công nợ chung: Anh T xác định vợ chồng không có nhưng đề nghị chị T trả lại anh những dữ liệu trên máy tính là tài sản của anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố HN phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Anh NAT làm đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn nên kháng cáo của anh T là hợp lệ.

Thẩm phán và HĐXX phúc thẩm đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo thực hiện trước và tại phiên tòa. Chị T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử.

- Về nội dung: Kháng cáo của anh NAT là không có cơ sở được chấp nhận. Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Bác kháng cáo của anh NAT; giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm và buộc anh T phải chịu tiền án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở ý kiến của các đương sự và đề nghị của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về Tố tụng:

Anh NAT làm đơn kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn nên kháng cáo của anh T là hợp lệ.

Chị PTT không kháng cáo và có đơn đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt, Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị PTT.

[2]. Xét nội dung kháng cáo:

Bị đơn là NAT kháng cáo không đồng ý ly hôn do xác định vợ chồng không có mâu thuẫn; đề nghị xin được nuôi con chung nếu vợ chồng ly hôn và yêu cầu chị PTT trả lại số tài sản riêng do chị T đang quản lý và các dữ liệu về thông tin riêng được lưu tại máy tính cá nhân.

[2.1]. Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị PTT và anh NAT là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Chị PTT xác định mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, vợ chồng không còn tình cảm nên đã làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh NAT.

Xét thấy: Các đương sự đều xác định vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2017 không còn quan hệ gì. Thực tế, kể từ tháng 4-2017 khi anh T đi chấp hành án phạt tù tại trại giam thì chị T cũng không đi thăm nom tiếp tế; hơn nữa giữa chị T với bố mẹ anh T cũng phát sinh mâu thuẫn nên chị T phải mang con về sống tại nhà bố mẹ đẻ tại tỉnh TH. Tại Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm, thì chị T cũng không đồng ý đoàn tụ và anh T cũng xác định vợ chồng không thể trở về chung sống hòa thuận cùng nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh NAT và chị PTT đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của chị T và giải quyết cho chị PTT được ly hôn anh NAT là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Anh NAT kháng cáo không đồng ý ly hôn vì lý do chị T xin ly hôn không thỏa đáng. Tuy nhiên, anh T cũng không đưa ra được bất cứ giải pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng cũng như chứng minh giữa vợ chồng vẫn còn yêu thương nhau và có thể chung sống hạnh phúc. Do vậy, Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh NAT.

[2.2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu NPMA, sinh ngày 27-01-2017, hiện đang do chị T nuôi giữ, chăm sóc.

Xét thấy: Kể từ khi cháu MA được sinh ra đến nay đều do chị T chăm sóc, nuôi dưỡng; hiện tại cháu sống ổn định cùng mẹ và phát triển tốt, điều kiện về vật chất và tinh thần chăm sóc cháu đều được chị T đảm bảo. Hơn nữa, cháu là con gái,

còn nhỏ tuổi rất cần sự chăm sóc, dạy dỗ của người mẹ nên việc Tòa án cấp sơ thẩm giao chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là thỏa đáng.

Anh NAT cho rằng anh sống ở Thánh phố HN, có nhà riêng nên sẽ có điều kiện chăm sóc cháu tốt hơn là không phù hợp, bởi lẽ: Anh T vừa chấp hành xong án phạt tù, chưa chứng minh được đã có việc làm và thu nhập ổn định nên việc anh T xin nuôi con sẽ không đảm bảo điều kiện chăm sóc, phát triển tốt cho con chung ở thời điểm hiện tại. Do vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu xin nuôi con chung của anh NAT.

[2.3]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản:

Chị PTT và anh NAT đều xác nhận: Vợ chồng không có tài sản chung và không có nghĩa vụ chung về tài sản nên không yêu cầu Tòa án xem xét. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết là phù hợp.

Quá trình giải quyết, anh NAT đề nghị chị PTT trả lại cho anh một số tài sản riêng do chị T đang chiếm giữ nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết và giành quyền khởi kiện cho anh NAT bằng vụ án khác khi có đủ căn cứ là phù hợp quy định của pháp luật.

Do vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của anh NAT.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của anh NAT không có căn cứ được chấp nhận nên anh T phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của anh NAT. Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 436/2021/HNGĐ-ST ngày 27-5-2021 của Tòa án nhân dân quận ĐĐ, Thành phố HN.

2. Về án phí phúc thẩm: Anh NAT phải chịu 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí phúc thẩm, được đối trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0068883 ngày 17-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận ĐĐ, Thành phố HN.

Ghi nhận việc anh NAT đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- *VKSND TP HN;*
- *TAND quận ĐĐ;*
- *CC THADS quận ĐĐ;*
- *Các đương sự;*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu HS.

HCN

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**